

Số: 1513 /SGDĐT-GDTH
V/v thông báo kết quả khảo sát,
xét chọn GV dạy giỏi lớp 1 HS
DTTS năm học 2014-2015

Kon Tum, ngày 28 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện/thành phố

- Thực hiện công văn số 1047/SGDĐT-GDTH, ngày 15/8/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục tiểu học;

- Thực hiện công văn số 75/SGDĐT - GDTH, ngày 26/01/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum về việc khảo sát, đánh giá, xét chọn công nhận giáo viên dạy giỏi lớp 1 học sinh DTTS cấp tỉnh, năm học 2014-2015;

Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành khảo sát, đánh giá, xét chọn công nhận giáo viên dạy giỏi lớp 1 học sinh DTTS cấp tỉnh, năm học 2014-2015 tại các huyện/thành phố. Để các phòng GD&ĐT có những thông tin về đợt khảo sát, đánh giá, qua đó rút ra những kinh nghiệm trong quản lý chỉ đạo và dạy học, Sở GD&ĐT thông báo kết quả như sau:

I. Một số thông tin về đợt khảo sát, đánh giá

Tổng số giáo viên đề nghị khảo sát: 47 giáo viên, đây là những giáo viên tiêu biểu cấp trường/cấp huyện, thành phố, được các phòng GD&ĐT khảo sát, đánh giá xét chọn ở cấp huyện/thành phố và đề nghị Sở GD&ĐT khảo sát, đánh giá, xét chọn công nhận, trong đó có 46 giáo viên nữ; 09 giáo viên người DTTS; đặc biệt có 01 giáo viên nam là người DTTS: thầy A Năng, Trường TH Đăk Na huyện Tu Mơ Rông.

Giáo viên trẻ tuổi nhất (23 tuổi): cô Nguyễn Thị Minh Thu, Trường PTDTBT TH Đăk Nền, huyện KonPlong; giáo viên lớn tuổi nhất (51 tuổi): Cô Cao Thị Đại, Trường TH Đăk Xú huyện Ngọc Hồi.

II. Nội dung khảo sát

1. Đánh giá về tư tưởng, phẩm chất chính trị.
2. Dự giờ, đánh giá tiết dạy.
3. Đánh giá về hồ sơ giáo viên, khảo sát chất lượng môn Toán và Tiếng Việt; năng lực, phẩm chất của học sinh tại thời điểm khảo sát.

III. Đánh giá chung về đợt khảo sát

1. Về phẩm chất, đạo đức lối sống, trách nhiệm của giáo viên

Tất cả giáo viên được khảo sát, đánh giá đợt này là những giáo viên có nhận thức chính trị đúng đắn, tư tưởng vững vàng; chấp hành tốt pháp luật, chính

sách của Đảng, Nhà nước; nghiêm túc chấp hành quy chế, quy định của Ngành. Các giáo viên dạy học ở vùng khó khăn đã vượt lên hoàn cảnh, giữ vững đạo đức, nhân cách và lối sống tốt đẹp của nhà giáo, có trách nhiệm cao trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; nhiệt tình phục vụ nhân dân và tận tụy với học sinh.

2. Tổ chức hoạt động giáo dục (đánh giá tiết dạy)

2.1 Ưu điểm

a. Kiến thức:

Giáo viên đã xác định được mục tiêu, chuẩn kiến thức và kỹ năng, nội dung cơ bản, trọng tâm của bài dạy. Giảng dạy kiến thức có hệ thống, phù hợp với đối tượng, tâm lý học sinh lớp 1, học sinh DTTS. Giáo viên đã sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc; làm chủ kiến thức, kỹ năng nên tổ chức tiết học nhẹ nhàng, khai thác tốt nội dung kiến thức bài học nhằm phát triển năng lực học tập cho học sinh (Ví dụ: thông qua các câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu, bài luyện tập phân loại cho từng loại đối tượng học sinh). Giáo viên nắm vững nội dung cơ bản cần truyền đạt nên học sinh lĩnh hội được nội dung kiến thức tiết dạy một cách chắc chắn.

Một số tiết dạy đã cập nhật, liên hệ những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh (*tiết Tiếng Việt bài "Phân biệt âm đầu d, gi, v" của cô Nguyễn Thị Hà, huyện Đắk Hà*).

b. Kỹ năng sư phạm:

- Giáo viên nắm vững phương pháp đặc trưng của từng môn học, chương trình (hiện hành hoặc chương trình Công nghệ giáo dục (CGD)) và kỹ năng trong việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện, phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học. Phần lớn các tiết dạy giáo viên đã vận dụng, phối hợp hợp lý nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học sinh động, phù hợp với đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Nổi bật là giáo viên đã vận dụng phương pháp dạy học theo nhóm (nhóm đôi, nhóm 4, theo tổ, dãy bàn, hàng ngang, hàng dọc...). Tổ chức trò chơi khởi động, trò chơi củng cố kiến thức phù hợp với từng hoạt động của tiết dạy để học sinh tham gia, lĩnh hội kiến thức một cách tích cực, tạo hứng thú trong tiết học; không khí lớp học tự nhiên, sôi nổi. Một số giáo viên đã vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm, điều kiện dạy học của nhà trường và học sinh. Giáo viên đặc biệt quan tâm đến từng đối tượng học sinh, chú ý sửa lỗi phát âm (lỗi về dấu thanh); giải nghĩa từ cụ thể, rõ ràng qua đồ dùng trực quan, động viên tuyên dương kịp thời để khuyến khích các em tích cực học tập.

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp: vấn đáp, giảng giải, thực hành, trực quan. Giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học sẵn có và đồ dùng dạy học tự làm đạt hiệu quả rõ rệt ở nhiều tiết dạy, giáo viên đã lựa chọn đúng phương tiện, đồ dùng và được sử dụng đúng lúc, đúng mức độ. Ngoài việc sử dụng các đồ dùng dạy học sẵn có, giáo viên đã tự làm thêm đồ dùng bằng các vật liệu dễ tìm phục vụ tiết dạy có hiệu quả cao. Giáo viên biết khai thác môi trường xung

quan, sử dụng các yếu tố VNEN để tổ chức tiết dạy thêm nhẹ nhàng, học sinh hiểu bài, hứng thú học tập. Một số giáo viên kết hợp hài hoà giữa đồ dùng trực quan với phương pháp hỏi đáp để tăng hiệu quả sử dụng đồ dùng.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh khá sinh động. Các hoạt động tương tác giữa thầy với trò; tương tác giữa trò với trò trong những hình thức tổ chức học tập phong phú, phù hợp. Qua nhiều tiết dạy cho thấy hầu hết tay nghề của giáo viên vững vàng, sự tự tin và phong thái đĩnh đạc, đồng thời thể hiện về sự chuẩn bị nghiêm túc, chứng tỏ tâm huyết, tận tụy với học sinh. Một tiết học diễn ra tự nhiên, không gò ép và đạt hiệu quả (giáo viên Y Liên, Trường tiểu học Võ Thị Sáu - ĐắkGlei; giáo viên Phạm Thị Chi, Trường tiểu học Đắk Xú huyện Ngọc Hồi và giáo viên Nguyễn Thị Kim Hương, Trường tiểu học PôKô - ĐắkTô).

Trong tiết dạy, giáo viên đã tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; có chú trọng đánh giá học sinh theo hướng đổi mới của Thông tư 30; sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau: giáo viên nhận xét, sửa sai từng cá nhân cụ thể, tổ chức học sinh tự kiểm tra kết quả bài làm của mình hoặc kiểm tra lẫn nhau giữa học sinh, học sinh tự phát hiện các sai sót trong bài làm, đề xuất cách sửa chữa. Qua đó rèn cho học sinh thói quen kiểm tra công việc, thói quen làm việc cẩn thận, chu đáo; xây dựng quan hệ hợp tác trong học tập ở học sinh.

Nhiều giáo viên có chữ viết đẹp, trình bày bảng hợp lý, hướng dẫn học sinh viết đúng, viết đẹp, trình bày và giữ gìn vở sạch sẽ (giáo viên Nguyễn Thị Hà - TH Trần Quốc Toàn - Đắk Hà; giáo viên Lê Thị Thuýn - TH Đắk Môn - ĐắkGlei).

c. Thái độ sư phạm:

Hầu hết giáo viên lên lớp với thái độ tự tin, có tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, ân cần với học sinh; giáo viên có thái độ tôn trọng và đối xử công bằng với mọi học sinh trong lớp, xây dựng môi trường học tập thân thiện trong giờ học, tuyên dương khích lệ học sinh kịp thời.

Để giúp học sinh học tập có chất lượng, nhiều giáo viên đã vận động lòng hảo tâm của một số cá nhân, nhà tài trợ hoặc tự trích tiền lương mua đồ dùng học tập cho các em. Một số giáo viên đã tự nguyện dạy tăng thời gian phụ đạo cho học sinh, không yêu cầu thù lao (giáo viên Trường TH Đắk Ring lên lớp vào các buổi chiều để soạn bài và hướng dẫn học sinh ôn bài); ngoài ra, giáo viên còn làm công tác dân vận đến tận nhà thuyết phục phụ huynh, già làng nhắc nhở học sinh đi học chuyên cần.

d. Hiệu quả:

Nhìn chung, hầu hết các tiết dạy của giáo viên có tiến trình hợp lý, nhẹ nhàng, các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên. Học sinh có nền nếp học tập tốt, tích cực tiếp thu bài, có tinh thần, thái độ học tập đúng đắn. Ở các tiết dạy, đa số học sinh hiểu bài và vận dụng được kiến thức đã học.

2.2 Hạn chế

a. Kiến thức:

Một ít giáo viên chưa nắm đầy đủ chuẩn kiến thức, kỹ năng cơ bản của bài, dẫn đến dạy không đúng trọng tâm nội dung bài, không chọn lọc những kiến thức, kỹ năng theo chuẩn để giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh, qua đó việc khai thác nội dung học tập nhằm phát triển năng lực của học tập học sinh trở nên hình thức, tác dụng hạn chế. Có giáo viên còn lạm dụng trong việc lồng ghép liên hệ giáo dục học sinh hoặc giảng giải mà không chú trọng rèn kỹ năng cho phù hợp với môn học (*dạy tập đọc: rèn kỹ năng đọc thường xem nhẹ hơn phần tìm hiểu nội dung; chưa chú trọng luyện đọc câu đúng và sau đó luyện đọc diễn cảm ...*).

b. Kỹ năng sư phạm:

- Một số tiết dạy chưa linh hoạt hoặc dạy học chưa phù hợp với đối tượng học sinh nên giờ dạy ít sôi nổi và chưa phát huy được tư duy của học sinh, dẫn đến học sinh chưa nắm được kiến thức cơ bản để vận dụng luyện tập, thực hành (*giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đưa các trò chơi học tập thu hút sự tập trung chú ý của học sinh nhưng chưa lựa chọn nội dung vừa sức với học sinh của lớp học*). Một số giáo viên lên lớp thao tác, quy trình tổ chức các hoạt động rời rạc, còn rập khuôn máy móc; việc sử dụng đồ dùng, thiết bị phụ trợ không khoa học gây mất thời gian, hoặc chưa khai thác hết tác dụng của đồ dùng dạy học.

- Việc chuyển tiếp nội dung bài dạy của một số giáo viên chưa hợp lý, chưa logic, xử lý tình huống trên lớp chưa linh hoạt, ảnh hưởng đến hứng thú của học sinh. Giáo viên lên lớp thường sửa sai không kịp thời hoặc sửa sai thiếu cụ thể. Vẫn còn giáo viên chưa nắm vững về phương pháp tổ chức dạy học theo nhóm nên có tiết dạy còn mang tính hình thức: quy trình bị đơn giản hóa nhất là khâu giao việc và đặt mục tiêu cần đạt cho hoạt động nhóm và sự tương tác giữa các thành viên trong nhóm và các nhóm ... (*chỉ một hai em trong nhóm làm việc*); tổ chức trò chơi nhưng không nhắc lại luật chơi, cách tiến hành ...; tổ chức các trò chơi học tập còn mang tính hình thức, không lôi cuốn nhiều học sinh tham gia; có trò chơi học tập chỉ huy động một vài em, số học sinh còn lại chỉ đóng vai trò dự khán nên hiệu quả khá thấp; hoặc có những vấn đề không chứa đựng “*tình huống*” phải tổ chức học nhóm (*vì vấn đề có thể từng cá nhân học sinh giải quyết được, không cần đến hoạt động theo nhóm của nhiều học sinh*) tuy nhiên giáo viên vẫn tổ chức học nhóm, nên tiết dạy mang tính hình thức, không hiệu quả.

- Có giáo viên chưa thực sự quan tâm đến các đối tượng khác nhau trong lớp để có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp cho nhiều đối tượng học sinh, còn dạy theo lối đồng loạt cả lớp như: giáo viên chỉ đặt câu hỏi cho một số ít học sinh trả lời; hệ thống câu hỏi, việc khai thác nội dung bài dạy chưa thích hợp với đối tượng; việc luyện tập, kiểm tra học tập học sinh chưa bao quát được hết toàn lớp; đặc biệt còn giáo viên bỏ rơi, không quan tâm đến học sinh khuyết tật, học sinh còn hạn chế trong học tập.

- Một số giáo viên còn nói nhiều, nội dung được lặp đi lặp lại nhiều lần không cần thiết, đôi lúc giáo viên còn làm thay cho học sinh hoặc chưa làm chủ và phân bố thời gian cho hợp lý (*khi viết chính tả, giáo viên đọc, học sinh lặp lại và viết, nhưng ở đây giáo viên lại đánh vần cho học sinh viết*). Việc khen ngợi động viên học sinh cũng chưa kịp thời, không kích thích học tập cho học sinh. Có giáo viên nhận xét chưa tinh tế, giọng đọc còn mang âm hưởng địa phương (ví dụ: yêu cầu học sinh tìm từ có tiếng “chung”, học sinh tìm được từ chúng ta, giáo viên không khuyến khích học sinh mà chỉ nhận xét sai).

c. Thái độ sư phạm và hiệu quả:

Vẫn còn giáo viên tỏ ra căng thẳng, thiếu bình tĩnh nên chỉ chú ý đến hoạt động của giáo viên mà ít quan tâm đến học sinh hoặc chưa thân thiện, gằn gỏi với học sinh, còn dùng thước gõ mạnh lên bàn, lên bảng. Nhận xét còn dùng ngôn ngữ có ý trách phạt hơn động viên, khích lệ học sinh.

III. Hồ sơ, sổ sách của giáo viên

1. Ưu điểm

Giáo viên có đủ các loại hồ sơ theo quy định, nội dung đảm bảo theo yêu cầu, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

2. Hạn chế

Một vài giáo án chưa trình bày rõ hoạt động giữa thầy và trò, sổ chủ nhiệm còn có một số chi tiết chưa cập nhật theo Thông tư 30. Có giáo viên trình bày chưa cẩn thận, lời nhận xét trong sổ theo dõi chất lượng còn chung chung, diễn đạt lồi vắn nói.

IV. Kết quả khảo sát học sinh

1. Ưu điểm

- Môn Toán: đa số học sinh biết cách tính nhẩm, đặt tính rồi tính, so sánh các số, làm bài toán có lời văn. Một số học sinh làm toán cộng trừ khá nhanh.

- Môn Tiếng Việt: đa số học sinh đọc được, viết chữ tương đối rõ ràng, biết cách trình bày bài viết. Một số học sinh viết chữ đẹp, đọc tốt (Trường TH Võ Thị Sáu, Trường TH KơPaKơLong thành phố Kon Tum, Trường TH Phan Đình Giót, Trường TH Vừ A Dính huyện ĐăkHà, Trường TH Võ Thị Sáu huyện Đăkglei, Trường TH ĐăkXú huyện Ngọc Hồi, Trường TH PôKô huyện ĐăkTô, Trường TH Rờ Kơi huyện Sa Thầy, Trường TH ĐăkRing huyện KonPlong).

2. Hạn chế

- Môn Toán: Một số lớp vẫn còn học sinh đọc chậm, làm toán sai. Một số giáo viên chưa tổ chức cho học sinh luyện tập toán trong vở ô li mà chỉ dùng vở bài tập in sẵn, bên cạnh đó chưa chú trọng rèn cho học sinh kỹ năng đặt tính và giải toán, trình bày bài toán có lời văn nên chất lượng qua khảo sát đạt kết quả thấp.

- Môn Tiếng Việt: Một số học sinh viết chữ chưa rõ ràng, đúng độ cao; còn sai nhiều lỗi chính tả, nhất là dấu thanh.

V. Kết quả khảo sát chung

Có 43/47 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi lớp 1 học sinh DTTS cấp tiểu học, năm học 2014-2015 (tỉ lệ 91% trong tổng số giáo viên được khảo sát); trong đó có 09 giáo viên người DTTS. Số giáo viên đạt ở từng Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, cụ thể :

Phòng GD-ĐT	Số giáo viên được khảo sát	Số giáo viên đạt giải
Đăk Glei	06	06
Đăk Hà	05	04
Đăk Tô	05	05
TP Kon Tum	07	06
Kon Plông	04	03
Kon Rẫy	05	05
Ngọc Hồi	05	05
Sa Thầy	03	03
Tu Mơ Rông	07	06
Tổng	47	43

VI. Đề xuất

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chú trọng tổ chức các chuyên đề cấp trường hoặc cụm trường về nâng cao chất lượng cho học sinh lớp 1, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số để phát huy các ưu điểm và khắc phục những nhược điểm như đã nêu.

- Có giải pháp tăng cường tiếng dân tộc cho đội ngũ giáo viên dạy vùng dân tộc thiểu số để vận dụng trong công tác dạy học và trong việc phối hợp với cộng đồng trong công tác giáo dục.

- Tiếp tục duy trì việc khảo sát, đánh giá, xét chọn giáo viên dạy giỏi lớp 1 học sinh dân tộc thiểu số cấp trường và cấp huyện/thành phố để động viên, ghi nhận sự nỗ lực, tận tụy của những giáo viên này. Qua đó nhân rộng đội ngũ giáo viên tiêu biểu, phấn đấu học tập với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đối với trường tiểu học

- Từng bước tăng cường yếu tố VNEN trong lớp học một cách có hiệu quả để dần nâng cao năng lực và phẩm chất của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

- Tổ chức các chuyên đề để nâng cao chất lượng lớp 1, đặc biệt chú trọng lớp 1 vùng dân tộc thiểu số; những trường dạy môn Tiếng Việt chương trình CGD, cần tổ chức chuyên đề về phương pháp dạy học CGD và Luật chính tả để giáo viên thường xuyên tổ chức cho học sinh nhắc lại Luật chính tả, kể cả ở các lớp trên.

3. Đối với giáo viên

- Dạy học linh hoạt các phương pháp, chú trọng việc dạy học phù hợp với đối tượng, từng bước nâng dần chất lượng cho học sinh. Thường xuyên ôn luyện những kiến thức đã học. Về môn Toán: ngoài việc cho học sinh luyện tập ở vở bài tập in sẵn, cần tổ chức cho học sinh làm toán trên vở ô ly để luyện viết đúng, viết đẹp, rèn kỹ năng đặt tính, giải toán có lời văn và cách trình bày bài sạch, đẹp.

- Thường xuyên nhận xét qua sản phẩm bài làm của học sinh ngắn gọn, cụ thể, tuyên dương khen thưởng học sinh kịp thời để học sinh phát huy những ưu điểm và dễ dàng khắc phục những lỗi đã mắc phải.

Đề nghị các phòng GD&ĐT sao gửi công văn này đến các trường tiểu học để phổ biến, rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn của nhà trường./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề t/h);
- Ban Giám đốc (t/d)
- Lưu: VP, Phòng GDTH. *KL*



Nguyễn Trọng Thắng